

Bản án số: 57/2023/HSST

Ngày : 24/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy**.

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà **Phan Thị Thanh Dung**.

Ông **Dương Minh Ngọc**.

- Thư ký phiên tòa : Bà **Lê Huỳnh Lan Vi** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Võ Văn Duy** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2023/TL-HSST ngày 26 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Thị V**, sinh ngày: 26/8/1987, tại P, Q. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã Tiên L, huyện P, tỉnh Q. Nơi ở hiện tại: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Q. Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Tiếp thị.

Con ông Nguyễn C, sinh năm: 1956 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1958, cùng địa chỉ: Thị trấn K, huyện P, tỉnh Q. Bị cáo có chồng tên Nguyễn Đạo Q, sinh năm: 1987, trú tại: Thôn 2, xã Tiên L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2022 đến ngày 18/01/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Lê Thanh T**, sinh ngày: 27/02/1993, tại N, Q. Nơi ở hiện tại: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Q. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Nhân viên.

Con ông Lê Văn T, sinh năm: 1965.

Con bà Trần Thị Kim P, sinh năm: 1968.

Vợ tên Cao Thị Thùy T, sinh năm: 1996.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo có hai con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2022 đến nay. Hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh T:** Ông Lê Văn Anh – Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Văn Anh, đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Lê Văn Th, sinh năm: 1985, địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1996, địa chỉ: Thôn A, xã Qu, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Ông Trần Tài T, sinh năm: 1996, địa chỉ: Thôn H xã N, huyện N, tỉnh Q. Có mặt.

+ Ông Huỳnh Minh Th, sinh năm: 1996, địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Q. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm: 1986, tên gọi khác: L, trú tại: Khối 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Ông Trần Văn M, sinh năm: 1964, địa chỉ: Thôn H, xã Tam N, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Ông Châu Ngọc D, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua theo dõi, vào lúc 15 giờ 35 phút ngày 13/12/2022, Đoàn Biên phòng cửa khẩu cảng Kỳ Hà phối hợp với Phòng phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam và Công an xã Tam Nghĩa, tiến hành kiểm tra Nhà trọ của ông Lê Văn Th thuộc thôn L, xã N, huyện N, phát hiện tại phòng trọ số 01 có Nguyễn Thị V, Bùi Văn T, Trần Tài T và Huỳnh Minh Th có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại hiện trường, phát hiện thu giữ dưới nền gạch trong phòng 02 gói ni lông kích thước lần lượt là (2,1x0,5)cm, (2,5x0,8)cm, bên trong có các hạt tinh thể màu trắng nghi vấn chất ma túy; 01 túi xách màu đen đặt trên tấm nệm trong phòng trọ, bên trong có chứa một gói ni lông kích thước (2,5x0,1)cm, bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi vấn ma túy; 01 áo khoác jean nữ treo trên hàng rào lưới B40 của phòng trọ phát hiện trong tay áo có 01 hộp nhựa hình chữ nhật, bên trong có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Qua lời khai của các đối tượng có liên quan, tổ công tác tiến hành triệu tập Lê Thanh T lên làm việc, qua kiểm tra xe mô tô BKS 92N1-4228 do T điều khiển phát hiện trong cốp xe có bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Qua điều tra xác định:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 13/12/2022, Lê Thanh T điều khiển xe mô tô BKS 92N1-4228 của ông M chở Nguyễn Thị V đi ăn, ăn xong thì V bảo T chở đến nhà của Nguyễn Thị Phương Th để hỏi mua ma túy về sử dụng. T chở V đến nhà của Th, V đi vào, T cũng đi theo vào gặp Th. V hỏi Th có ma túy đá thì bán nọ cho 200.000 đồng về sử dụng chứ không có tiền, Th rút gói ma túy đá xuống nền nhà, V đi lại lấy gói ma túy rồi bảo T chở về phòng trọ.

Khi về đến phòng trọ, V bỏ gói ma túy dưới nền nhà, T lấy gói ma túy đã cắt ra, đổ ma túy đã vào nỏ thủy tinh, T dùng bật lửa đốt nỏ thủy tinh rồi cùng V sử dụng. Khi đang sử dụng thì có Châu Ngọc D đến chơi, thấy V và T đang sử dụng ma túy thì D cũng ngồi xuống cùng sử dụng. Tiếp đó có Trần Tài T đến chơi và cùng ngồi xuống sử dụng ma túy chung với V, T, D. Sử dụng xong thì các đối tượng ngồi chơi tại phòng.

Lúc này, V còn 150.000 đồng trong túi quần, V hỏi T mượn 200.000 đồng để tiêu xài cá nhân, sau đó, V mượn điện thoại của T điện cho Th hỏi mua 300.000 đồng tiền ma túy đá thì Th đồng ý. V bảo T cầm 350.000 đồng xuống gặp Th để mua 300.000 đồng ma túy đá, còn lại mua cho V 50.000 card điện thoại. T đồng ý rồi chạy xuống gặp Th đưa cho Th 300.000 đồng, Th lấy một gói ma túy đá vứt xuống nền nhà, T đi lại lấy gói ma túy đá rồi chạy về lại phòng trọ đưa gói ma túy cho V. V cắt gói ma túy rồi đổ ma túy vào trong nỏ, T dùng bật lửa hơ nỏ thủy tinh rồi sau đó lần lượt T, V, D, T cùng nhau sử dụng, đang sử dụng thì Bùi Văn T tới chơi, thấy vậy cũng ngồi xuống sử dụng chung.

Sau khi sử dụng xong Tuấn chạy đi công việc, còn V, D, T, T ngồi trong phòng chơi điện thoại, lúc này có Th đến tìm Tuấn nhưng không thấy T, khi Th vừa ra khỏi phòng trọ thì bị Tổ Công tác phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với V và ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp quả tang đối với Lê Thanh T.

Tại các biên bản test nhanh ma túy của Đoàn biên phòng cửa khẩu Cảng Kỳ Hà phát hiện Nguyễn Thị V, Lê Thanh T, Bùi Văn T, Châu Ngọc D và Trần Tài T có kết quả dương tính với ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 174/KL-KTHS ngày 16/12/2022 của phòng Khoa học hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Các mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu ký hiệu A1 có khối lượng 0,063 gam, mẫu ký hiệu A2 có khối lượng 0,024 gam.

Tang vật tạm giữ gồm:

- 01 hộp nhựa hình chữ nhật, bên trong có 01 nỏ thủy tinh, 01 ống nhựa màu xanh trắng và 01 bật lửa màu đỏ;
- số tiền 20.000 đồng.
- 01 nắp chai nhựa màu đỏ có hai lỗ tròn, 01 ống hút nhựa màu trắng sọc hồng, 01 ống hút nhựa màu trắng xanh, 01 nỏ thủy tinh.
- 01 điện thoại di động Samsung J2 màu đen, bên trong có gắn thẻ sim 0339.206.871 và 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, bên trong có gắn thẻ sim 0327.696.743.

Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKS-NT ngày 22/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố các bị cáo Nguyễn Thị V và Lê Thanh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thị V và Lê Thanh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ

luật hình sự 2015, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo V từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Tuấn từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù.

Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày tại phiên tòa: Thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cũng như hình phạt áp dụng cho bị cáo T. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng tình tiết gia đình bị cáo khó khăn, con còn nhỏ, sống chung với cha mẹ có cha bị bệnh để áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS, áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo.

Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Qua điều tra xác định, vào lúc 16 giờ 00 phút ngày 13/12/2022, tại nhà trọ của ông Lê Văn Th, tổ công tác Đoàn biên phòng Cửa khẩu cảng Kỳ Hà phối hợp với Phòng phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Nam và Công an xã Tam Nghĩa bắt quả tang Nguyễn Thị V và Lê Thanh T cung cấp chất ma túy, địa điểm, dụng cụ cho Châu Ngọc D, Trần Tài T và Bùi Văn T sử dụng trái phép chất ma túy. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản sự việc, kết quả giám định và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị V và Lê Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án: Tổ chức sử dụng trái phép ma túy là hành vi xâm phạm đến quản lý độc quyền về ma túy của Nhà nước. Tội phạm ma túy hiện nay ngày càng tăng, tình hình phức tạp, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống gia đình của bị cáo cũng như xã hội. Bị cáo Nguyễn Thị V và Lê Thanh T là người đã thành niên, các bị cáo có đủ khả năng nhận thức được ma túy là chất gây nghiện, có ảnh hưởng xấu đến người dùng, việc tổ chức sử

dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi, tổ chức cho ba người là D, T, T cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, cần có mức án phù hợp, nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến tình hình xã hội tại địa phương, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo mục đích răn đe, phòng ngừa, giáo dục của hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, các bị cáo còn có tình tiết giảm nhẹ: hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo V đang mang thai, có ông nội là người có công cách mạng; bị cáo T có con dưới ba sáu tháng tuổi, đang nuôi cha bị bệnh. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54 BLHS đối với bị cáo Tuấn; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Vi để giảm nhẹ khi quyết định hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với tính nhân đạo pháp luật xã hội chủ nghĩa. Bị cáo Vi là người mua ma túy, khởi xướng việc mua ma túy về sử dụng nên có vai trò cao nhất trong vụ án, bị cáo Tuấn làm theo lời Vi nên vai trò thấp hơn, cần đánh giá xem xét để cá thể hóa hình phạt cho phù hợp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về loại hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền, tuy nhiên bị cáo V không có thu nhập ổn định, bị cáo T hiện đang bị tạm giam; hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Núi Thành trả cho lại cho ông Trần Văn M xe máy BKS 92N2-4228, nhãn hiệu honda Wave màu đỏ. Đây là xe máy của ông M cho T mượn nhưng không biết Tuấn sử dụng xe máy để chở V đi mua ma túy nên trả lại cho ông M là phù hợp. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho Nguyễn Thị V 01 điện thoại di động Samsung J2 màu đen, bên trong có gắn thẻ sim 0339.206.871 và 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, bên trong có gắn thẻ sim 0327.696.743 không liên quan đến hành vi phạm tội là phù hợp.

[6.2] Đối với các vật chứng còn lại: Cần tịch thu tiêu hủy 01 hộp nhựa hình chữ nhật, bên trong có 01 nỏ thủy tinh, 01 ống nhựa màu xanh trắng và 01 bật lửa màu đỏ; 01 nắp chai nhựa màu đỏ có hai lỗ tròn, 01 ống hút nhựa màu trắng sọc hồng, 01 ống hút nhựa màu trắng xanh, 01 nỏ thủy tinh. Đối với số tiền 20.000 đồng thu giữ của bị cáo V, đây là số tiền của cá nhân V, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả cho bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác có liên quan:

[8.1] Ông Lê Văn Th không biết V, T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà trọ của mình nên không đề cập xử lý.

[8.2] Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Châu Ngọc D, Trần Tài T, Bùi Văn T đã được Công an huyện Núi Thành ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8.3] Đối với Nguyễn Thị Phương Th tên gọi khác là L bán ma túy cho V và T nhưng Th không khai nhận hành vi bán ma túy; qua điều tra đối chất và cho nhận dạng, các bị cáo khẳng định Nguyễn Thị Phương Th, tên gọi khác là L, không phải đối tượng bán ma túy cho V và T nên cần tách ra điều tra làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[8.4] Đối với ông Trần Văn M là chủ xe mô tô BKS 92N2-4228, nhãn hiệu honda Wave màu đỏ. Ông M cho T mượn xe nhưng không biết T dùng xe đi mua ma túy nên không đề cập xử lý trách nhiệm của ông M là thỏa đáng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị V** phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Thị V 07 (bảy)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/12/2022 đến ngày 18/01/2023.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Lê Thanh T** phạm tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo: **Lê Thanh Tuấn 05 (năm)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 16/12/2022.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp nhựa hình chữ nhật, bên trong có 01 nỏ thủy tinh, 01 ống nhựa màu xanh trắng và 01 bật lửa màu đỏ; 01 nắp chai nhựa màu đỏ có hai lỗ tròn, 01 ống hút nhựa màu trắng sọc hồng, 01 ống hút nhựa màu trắng xanh, 01 nỏ thủy tinh.

Tuyên trả cho bị cáo V số tiền 20.000 đồng (*tiếp tục tạm giữ của bị cáo Vì số tiền 20.000 đồng để đảm bảo thi hành án*).

(*Vật chứng hiện đang được lưu giữ theo quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-VKS-NT ngày 22/5/2023 của VKSND huyện Núi Thành*).

4. Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo V và bị cáo T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*);

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhân;

- Bị cáo;
- VKSND huyện Núi Thành;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA huyện Núi Thành;
- Công an huyện Núi Thành;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thùy